TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH Đ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **1284**/2021/QĐST-HNGĐ	*Biên Hòa, ngày 10 tháng 12 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B – TỈNH Đ

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 và khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 1824/2021/TLST-VHNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2021, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1/ Bà **Trịnh Thị N**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: 54/7, Liên khu 10-11, khu phố 10, phường G, quận T, thành phố H.

2/ Ông **Phạm S**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: 462, tổ 6 (nay là tổ 12), khu phố M, phường P, thành phố B, tỉnh Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ông Phạm S và bà Trịnh Thị N thỏa thuận như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm S và bà Trịnh Thị N thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Phạm S và bà Trịnh Thị N không có con chung.

[3] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm S và bà Trịnh Thị N thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí: Ông Phạm S và bà Trịnh Thị N phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai số 0000286 ngày 10/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B được tính trừ vào lệ phí ông Phạm S và bà Trịnh Thị N đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKSND thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- UBND phường G, quận T, thành phố H;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Thị Kim Dung